

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 210/2018/DS-PT
Ngày: 11/9/ 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tạng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 năm 2018 và ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 49, đường ĐBP, ấp 1, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Thị Mỹ T: Ông Trần Hà Xuân P, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 21, quốc lộ 30, phường MP, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền.

- *Bị đơn:*

1. Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 63, tổ 2, ấp TC, xã TTT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Đặng Hoài G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 66, đường 30/4, phường 1, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Chị Trần Thị Mỹ T là nguyên đơn. Chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Anh P, chị L, anh G có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ T và người đại diện của nguyên đơn là ông Trần Hà Xuân P trình bày: Từ ngày 16/4/2016 đến ngày 23/8/2016, chị T có cho vợ chồng chị L, anh G vay tổng số tiền 46.000.000đ, thỏa thuận miệng, chị T chuyển tiền qua 02 tài khoản tại Vietcombank là 9704366802189568046 và 601000497351. Trong đó chị L, anh G đã trả được 5.000.000đ nên còn lại 41.000.000đ.

Chị T nhiều lần yêu cầu chị L, anh G trả số tiền này nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Hà Xuân P trình bày: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, yêu cầu chị Lê Thị Bích L, anh Đặng Hoài G liên đới trả 41.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Lê Thị Bích L trình bày: Thừa nhận chị T có chuyển tiền cho chị L thông qua tài khoản ngân hàng Vietcombank của anh G, mục đích để đầu tư tài chính vào M5, STS3, STS6 do chị T làm chủ trang mạng, hình thức là gửi tiền thật vào tài khoản trên các trang này và 03 ngày sau trang mạng này sẽ chuyển trả lại tiền vốn và lãi thông qua tài khoản ngân hàng đã chuyển đi. Chị T là người tìm đến chị L để mời tham gia đầu tư tài chính vào các trang mạng chung và chị L đã đồng ý cùng hùn vốn tham gia với chị T, chị L đã gửi cho chị T tổng cộng là 13.000.000đ (5.000.000đ tiền mặt, 8.000.000đ tiền qua chuyển khoản vào tài khoản 0601000497350 cho chị T vào ngày 13/4/2016). Hiện nay

các trang mạng này đã sập, chị L nhận chuyển khoản của chị T xong thì cũng chuyển cho các tài khoản khác để đầu tư tài chính chứ không rút tiền ra tiêu xài.

Tại phiên hòa giải, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì chị L thừa nhận chị T có chuyển đúng cho chị L là số tiền ngày 18/4/2016 là 12.000.000đ để đầu tư tài chính vào trang STS5, ngày 26/4/2016 là 24.000.000đ để đầu tư tài chính vào trang STS6, tổng cộng chị L có nhận của chị T 36.000.000đ. Còn các số tiền khác thuộc các tài khoản 601000497351, 601000497350 là không đúng.

Nay chị L không đồng ý trả cho chị T số tiền 41.000.000đ.

- Bị đơn anh Đặng Hoài G có văn bản ý kiến thống nhất với lời trình bày của chị L.

Tại phiên hòa giải chị Bích L không đồng ý trả cho chị T số tiền là 41.000.000đ.

Tại Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu chị Trần Thị Mỹ T.

- Buộc chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Mỹ T số tiền còn thiếu là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

*** Về án phí:**

- Chị Trần Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự là 400.000 đồng khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 1.025.000 đồng theo biên lai thu số 0000107 ngày 07-12-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp, Chị T được nhận lại 625.000 đồng.

- Chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G phải chịu số tiền 1.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 5 năm 2018 chị Trần Thị Mỹ T kháng cáo: Yêu cầu giải quyết buộc anh Đặng Hoài G và chị Lê Thị Bích L phải liên đới trả cho chị T số tiền 41.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G kháng cáo: Yêu cầu giải quyết chấp nhận kháng cáo của chị L; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST, ngày 15 tháng 5 năm 2018, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp kháng nghị sửa bản án số: 22/2018/DS-ST, ngày 15 tháng 5 năm 2018 về phần nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G liên đới trả số tiền mượn (vay không lãi), từ ngày 16/4/2016 đến ngày 23/8/2016 là 41.000.000 đồng.

Chị L và anh G không thừa nhận có vay mượn tiền của chị T. Tuy nhiên, chị L và anh G thừa nhận chị T có chuyển cho anh G tổng cộng 36.000.000 đồng cụ thể ngày 18/4/2016 là 12.000.000 đồng để đầu tư tài chính STS5 và ngày 26/4/2016 là 24.000.000 đồng để đầu tư tài chính STS6, thông qua số tài khoản ngân hàng Vietcombank của anh G do chị T làm chủ trang mạng, chị L đã trả cho chị T được 13.000.000 đồng trong đó có 5.000.000 đồng tiền mặt, 8.000.000 đồng chuyển khoản từ anh G cho chị T vào ngày 13/4/2016, do trang mạng đã bị sập hai bên đều chịu lỗ không thu hồi vốn lại được nên chị L, anh G không đồng ý trả cho chị T số tiền 41.000.000 đồng.

[2] Xét thấy, theo chị T khi cho chị L và anh G vay mượn tiền, không có làm biên nhận, nhưng chị T chuyển tiền cho chị L và anh G thông qua tài khoản Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và chị T cung cấp giấy chuyển tiền cho chị L và anh G, theo các giấy chuyển tiền có nội dung như sau:

- Ngày 16/4/2016 chị T chuyển cho anh G 2.000.000 đồng, có nội dung “Em G mượn”.

- Ngày 18/4/2016 chị T chuyển cho anh G 12.000.000 đồng, có nội dung “Em G mượn”.

- Ngày 19/4/2016 chị T chuyển cho anh G 2.500.000 đồng, có nội dung “Em G mượn”.

- Ngày 26/4/2016 chị T chuyển cho anh G 24.000.000 đồng, có nội dung “cho G Mượn”.

- Ngày 19/6/2016 chị T chuyển cho chị L 3.500.000 đồng có nội dung “Em L mượn”.

- Ngày 23/8/2016 chị T chuyển cho chị L 2.000.000 đồng có nội dung “L mượn”.

Về phía chị L, anh G thừa nhận các giấy chuyển tiền có số tài khoản 0601000497979; 0601000011998 là của anh G và số tài khoản 0601000497250 là của chị L và theo các giấy chuyển tiền đều có nội dung là anh G và chị L “mượn”, không có nội dung là chị T đầu tư tài chính vào các trang mạng. Chị L và anh G cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị T và chị L có hùn vốn đầu tư tài chính vào các trang mạng M5, STS3, STS6.

Tại phiên tòa chị L cung cấp nhân chứng là chị Lê Thị T, chị T trình bày chị Trà là người rủ chơi tài chính, nhưng chị T cũng không chứng minh được khoản tiền mà anh G nhận của chị Trà là tiền đầu tư tài chính.

Về phía chị T chuyển vào tài khoản của chị L và anh G tổng cộng số tiền là 46.000.000 đồng, chứ không phải là 36.000.000 đồng như chị L và anh G trình bày, chị L và anh G có trả cho chị T được 5.000.000 đồng tiền mặt, còn nợ lại 41.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L và anh G có đơn yêu cầu thu thập chứng cứ là khoản tiền mà chị Trà chuyển vào tài khoản của anh G và chị L, sau đó anh G và chị L đã chuyển vào tài khoản của các người khác theo yêu cầu của chị Trà, nhưng chị L và anh G không chứng minh được chị Trà là người yêu cầu anh G và chị L chuyển tiền cho người khác. Theo các chứng từ giao dịch có nội dung là chị Trà chuyển tiền cho anh G và chị L mượn, còn việc anh G và chị L chuyển tiền cho ai là quyền của anh, chị. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ

sở xác định anh G và chị L là người vay tiền, nên không chấp nhận đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của anh G và chị L.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng, về phía chị T thừa nhận có nhận của chị L số tiền 8.000.000 đồng, nhưng chị T cho rằng số tiền 8.000.000 đồng là khoản tiền chị L trả cho chị T của khoản vay ngày 12/4/2016. Xét thấy, theo giấy chuyển tiền ngày 12/4/2016 thể hiện số tiền chị T cho chị L mượn 8.000.000 đồng, nên việc chị T trình bày ngày 13/4/2016 chị L có trả 8.000.000 đồng là của khoản tiền vay mượn ngày 12/4/2016 là phù hợp và theo đơn khởi kiện của chị T cũng không có số tiền vay 8.000.000 đồng ngày 12/4/2016. Án sơ thẩm xác định chị L trả số tiền 8.000.000 đồng trong khoản vay từ ngày 16/4/2016 đến ngày 23/8/2016 là không phù hợp. Vì thế, chị T kháng cáo yêu cầu chị L và anh G liên đới trả số tiền 41.000.000 đồng và Viện kiểm sát kháng nghị buộc chị L và anh G trả cho chị T 41.000.000 đồng là có cơ sở, kháng cáo của chị L và anh G là không có cơ sở.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận kháng cáo của chị T, không chấp nhận kháng cáo của chị L và anh G, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Trà, không chấp nhận kháng cáo của chị L và anh G, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 148; Khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Mỹ T.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G.

3. Chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với bản án sơ thẩm số: 22/2018/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CL về nội dung vụ án.

Buộc chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G liên đới trả cho chị T số tiền 41.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền chưa thi hành, tại thời điểm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự:

- Chị Trần Thị Mỹ T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm dân sự được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.025.000 đồng theo biên lai thu số 0000107 ngày 07/12/2017 và không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 0003474 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Lê Thị Bích L và anh Đặng Hoài G phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.050.000 đồng và phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 600.000 đồng đã nộp xong theo biên lai số 0003421 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND TP CL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CCTHADS TP CL;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (L).

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tạng